

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/01/2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh Mai Xuân C kết hôn với nhau vào ngày 08/7/2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga G cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C chơi bời lêu lề, cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần. Trong cuộc sống anh C không tôn trọng vợ con, chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ tháng 01/2021, chị trở về nhà mẹ đẻ ở xã Nga G để sinh sống. Chị xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh C theo quy định; Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Thảo N, sinh ngày 25/5/2017. Khi cháu N ở cùng chị, gia đình anh C đến quây phá, yêu cầu đón cháu về nuôi. Chị đã báo cáo lên Công an thôn và Công an xã Nga G để giải quyết sự việc. Chị và anh C thỏa thuận mỗi người nuôi con 01 tuần cho đến khi Tòa án xét xử. Tuy nhiên, anh C không giữ lời hứa. Khi đến tuần anh C chăm sóc con, chị đến thăm con thì anh C và

gia đình cản trở. Tuần chị nuôi con thì anh C và gia đình đến gây rối. Vì thế, cháu Nguyễn hiện nay đang ở cùng anh C và ông bà nội. Sau ly hôn, nguyện vọng chị xin được nuôi cháu N, không yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: vợ chồng không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Xuân C, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Anh C từ chối nhận các văn bản nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành được với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù anh C đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh C; về con: Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thảo N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: chị không có yêu cầu gì. Đối với bị đơn anh C, anh được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T, cho chị T được ly hôn anh Mai Xuân C; về con: giao cháu Mai Thảo N, sinh ngày 25/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí chị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Mai Xuân C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Trong cuộc sống, anh C sống không có trách nhiệm và chăm lo gia đình, thường xuyên rượu chè, lơ đãng, nợ nần. Chị và anh C đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể duy trì, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh C theo quy định. Đối với bị đơn, mặc dù biết chị T đang đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh C không đến Tòa án để làm việc. Anh không có thiện chí níu kéo hạnh phúc gia đình để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống của chị T và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh C là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Thảo N, sinh ngày 25/5/2017. Hiện tại cháu Thảo N đang sinh sống cùng anh C và ông bà nội. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Xét đề nghị xin được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là chính đáng. Việc chị T không trực tiếp nuôi con do gia đình anh C cản trở không cho chị T đón con về nuôi. Tuy nhiên, cháu Thảo N còn nhỏ, là con gái, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc cháu về mọi mặt, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị T, cho chị T được ly hôn anh Mai Xuân C.

2. Về con: Giao cháu Mai Thảo N, sinh ngày 25/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh Mai Xuân C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0010959 ngày 05/01/2021 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

